

Bản án số: 56/2025/DS-PT

Ngày: 10 - 2 - 2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi
thường thiệt hại và yêu cầu hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đức Thọ

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
904/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử
dụng đất, bồi thường thiệt hại và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2025/QĐ-PT ngày
17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ B, ấp V, xã V,
huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lý Thị Mỹ H1, sinh
năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: 4 L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền ngày 15/11/2024)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trịnh
Thị Phương P, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: Công ty L, 4 L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Minh T, sinh năm 1966 (có mặt).

2.2. Ông Lê Hoàng Trường S, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng cư trú: Tổ C, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Ông Lê Trường S1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2019) (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Minh T1, sinh năm 1950; nơi cư trú: Số nhà D, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1: Ông Lương Tường H2, là Luật sư của Chi nhánh Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A (có mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân huyện A; địa chỉ trụ sở: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị N - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Võ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Nguồn gốc đất là của bà ngoại tên Võ Thị C được chính quyền chế độ cũ cấp giấy năm 1954, bà ngoại cho lại mẹ, nhưng bà ngoại và mẹ đều bỏ hoang không khai thác sử dụng. Năm 1986 bà vào khai hoang để canh tác lúa 02 vụ. Năm 1998 khai hoang được 3.007m² bà được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02664QSDĐ/PL ngày 29/9/1998 thửa 753, số tờ bản đồ 06 (giấy chứng nhận), do không có tiền nên chuyển nhượng 3.007m² cho Võ My Đ và Nguyễn Văn N1. Sau đó tiếp tục khai hoang đến năm 2010 được diện tích khoảng 5.000m², nhưng đất chưa được cấp giấy chứng nhận thì ông Lê Minh T, ông Lê Hoàng Trường S và ông Lê Minh T1 vào bao chiếm và cho rằng đất này là của gia đình ông T, ông T1 và ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không cho tôi tiếp tục canh tác. Đây là hành vi chiếm đất trái pháp luật của ông T và ông T1.

Nay yêu cầu giải quyết vấn đề sau:

- Buộc ông T1 trả lại phần diện tích đất nông nghiệp với diện tích 4.496,7m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/7/2024 của Công ty TNHH Đ2.

- Yêu cầu ông T, ông T1 chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp với diện tích khoảng 4.496,7m².

- Buộc ông T1 phải bồi thường thiệt hại do không canh tác được diện tích đất với số tiền 195.000.000 (*một trăm chín mươi lăm triệu*) đồng.

- Yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01217pL cấp ngày 03/12/2008 có diện tích 18.181m² mang tên Lê Minh T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02940 cấp ngày 17/11/1994 có diện tích 29.806m² mang tên Lê Minh T1.

Thông nhất với biên bản về việc đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; Chứng thư thẩm định giá số 147-2024/CT-VVAC ngày 22/7/2024 của Công ty Cổ phần T2; Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/7/2024 của Công ty TNHH Đ2.

Bị đơn ông Lê Minh T, ông Lê Hoàng Trường S trình bày:

Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thông nhất với Biên bản về việc đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; Chứng thư thẩm định giá số 147-2024/CT-VVAC ngày 22/7/2024 của Công ty Cổ phần T2; Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/7/2024 của Công ty TNHH Đ2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T1 trình bày:

Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì đất tranh chấp ông đã sử dụng từ trước năm 1994, đến ngày 17/11/1994 ông được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy chứng nhận), số 02940QSDĐ/PL, diện tích 29.806m². Diện tích đất bà H và vợ chồng ông N1, bà My Đ tranh chấp đều nằm trong thửa đất số 779, tờ bản đồ số 06 của giấy chứng nhận số 02940QSDĐ/PL nên bà H và vợ chồng ông N1, bà My Đ khởi kiện là không đúng. Hơn nữa thửa đất số 779, tờ bản đồ số 06 có diện tích là 15.025m² nằm trong giấy chứng nhận số 02940QSDĐ/PL, trước đây giữa ông và ông Huỳnh Văn N2 có tranh chấp với nhau đã được Tòa án nhân dân huyện An Phú và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử buộc ông N2 trả lại đất.

Thông nhất với Biên bản về việc đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; Chứng thư thẩm định giá số 147-2024/CT-VVAC ngày 22/7/2024 của Công ty Cổ phần T2; Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/7/2024 của Công ty TNHH Đ2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bị đơn ông Lê Minh T, ông Lê Hoàng Trường S và đình chỉ yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01217pL cấp ngày 03/12/2008 có diện tích 18.181m² mang tên Lê Minh T.

2. Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Võ Thị H yêu cầu ông Lê

Minh T1 trả lại phần diện tích đất nông nghiệp 4.496,7m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/7/2024 của Công ty TNHH Đ2; Chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp với diện tích khoảng 4.496,7m²; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02940 cấp ngày 17/11/1994 có diện tích 29.806m² mang tên Lê Minh T1 và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 195.000.000 (*một trăm chín mươi lăm triệu*) đồng.

3. Về Chi phí tố tụng:

Bà Võ Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/8/2017 là 800.000 (*tám trăm nghìn*) đồng; chi phí ký hợp đồng đo đạc ngày là 1.679.000 (*một triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn*) đồng. (Bà H đã nộp đủ).

Bà Võ Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2024 là 2.500.000 (*hai triệu năm trăm nghìn*) đồng; chi phí ký hợp đồng đo đạc là 2.996.000 (*hai triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn*) đồng; chi phí thẩm định giá là 5.300.000 (*năm triệu ba trăm nghìn*) đồng. (Bà H đã nộp đủ).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị H phải chịu 10.050.000 (*mười triệu không trăm năm mươi nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.300.000 (*hai triệu ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0005734 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, bà H có nghĩa vụ nộp thêm 7.750.000 (*bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Ngày 26/8/2024, nguyên đơn bà Võ Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, do quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa khách quan, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Võ Thị H, có người đại diện theo ủy quyền là bà Lý Thị Mỹ H1, và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Trịnh Thị Phương P, thống nhất trình bày: phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Võ Thị H.

Bị đơn ông Lê Minh T, có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Trường S1 và đồng bị đơn ông Lê Hoàng Trường S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T1, cùng người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho T1 là Luật sư Lương Tường H2, thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xác định bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ. Phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ

nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị H trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh An Giang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị H:

Bà Võ Thị H khởi kiện có cung cấp 01 giấy tờ đất của bà ngoại là Võ Thị C được cấp năm 1954 để chứng minh chính quyền chế độ cũ cấp giấy đất cho bà ngoại là Võ Thị C, sau đó bà ngoại để lại cho mẹ, nhưng do đất hoang hóa, lung, địa nên bà ngoại và mẹ không khai hoang, ngoài ra không có giấy tờ gì khác. Cho thấy từ năm 1954 đến năm 1985 bà C và mẹ bà H không có quá trình sử dụng và kê khai quyền sử dụng đất. Năm 1986, bà H vào khai hoang đến năm 1998 được 3.007m², diện tích đất này đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Võ My Đ và ông Nguyễn Văn N1 rồi bà tiếp tục khai hoang đến năm 2010 được khoảng 5.000m², nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy về diện tích đất bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu ông T1 trả khoảng 5.000m² thể hiện tại Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/7/2024 của Công ty TNHH Đ2 thì các điểm 107, 106, 108, 116, 117, 118, 120, 121, 105, 104, 103, 102, 131, 134, 135, 136, 3, 2, 1, 137, 97, 96 có diện tích là 4.496,7m². Phần diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 779, tờ bản đồ số 06 giấy chứng nhận số 02940QSDĐ/PL do ông Lê Phước C1 là cha ông Lê Minh T1 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi tập đoàn sản xuất giải thể vào năm 1993, sau đó ông C1 giao cho ông T1 đứng tên, quá trình kê khai đăng ký đất của lập hồ sơ, được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã V.

Tại các văn bản xác nhận của ông Trần Văn Đ1 và UBND xã V, UBND huyện A, tỉnh An Giang (Văn bản số 372/UBND-NC ngày 28/9/2009 của UBND huyện A) trả lời phúc đáp công văn của Tòa án nhân dân huyện An Phú xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh T1 là đúng quy định pháp luật đất đai năm 1993, đúng đối tượng sử dụng đất, đúng trình tự thủ tục.

Bên cạnh đó, Bản án số 74/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử về tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn N2 với bị đơn ông Lê Minh T1. Theo nội dung tranh chấp ông N2 xác định chính ông là người khai phá và canh tác đất từ năm 1985 đến 2005 được diện tích 15.700m². Năm 2009 ông T1 vào lấy đất lại và cho rằng diện tích đất là của ông T1 và ông T1 đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02940QSDĐ/PL ngày 17/11/1994. Bản án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N2. Ông N2 kháng cáo Bản án số 74/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ ông N2 đến lần thứ hai nhưng ông N2 vắng mặt không lý do, nên đã ban hành Quyết định số 205/2018/QĐ-PT ngày 15/11/2018 về việc đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án nêu trên. Như vậy, Bản án số 74/2018/DS-ST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú đã có hiệu lực pháp luật.

Qua tranh luận công khai tại phiên tòa bà H cho rằng việc ông T1 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì bà hoàn toàn không biết, còn việc ông Huỳnh Văn N2 tranh chấp với ông Lê Minh T1 là việc của ông N2 và ông T1 không liên quan đến bà, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Còn ông T1 cho rằng, không có việc bà H vào đất của ông canh tác vì phần đất tranh chấp này do ông quản lý từ trước năm 1994. Đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 779, tờ bản đồ số 06 giấy chứng nhận số 02940QSDĐ/PL, thửa đất này trước đây ông Huỳnh Văn N2 đã tranh chấp và đã được Tòa án giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông T1 phải trả lại diện tích đất 4.496,7m², do không chấp nhận yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất nên các yêu cầu còn lại của bà H cũng không được chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bà Võ Thị H kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu nói trên của bà H về việc yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông T1 phải trả lại diện tích đất 4.496,7m² tọa lạc tại thửa đất số 779, tờ bản đồ số 06 giấy chứng nhận số 02940QSDĐ/PL.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (sau đây viết tắt Nghị quyết 326/2016) quy định: “*Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:*

a) Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản

và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch...”

Trong vụ án này, nguyên đơn bà H khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất thì đương sự chịu án phí không có giá ngạch (mức thu là 300.000 đồng), tranh chấp này không phụ thuộc vào việc Tòa án xác định giá trị hay không có giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp và nhận định rằng hai bên tranh chấp về quyền sử dụng đất là ai sở hữu, không phải mục đích hướng đến giá trị đất tranh chấp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, buộc bà H phải chịu 10.050.000 (*mười triệu không trăm năm mươi nghìn*) đồng là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí, buộc bà H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Võ Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị H. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về án phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với bị đơn ông Lê Minh T, ông Lê Hoàng Trường S và đình chỉ yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01217pL cấp ngày 03/12/2008 có diện tích 18.181m² mang tên Lê Minh T.

2. Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Võ Thị H yêu cầu ông Lê Minh T1 trả lại phần diện tích đất nông nghiệp 4.496,7m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 08/7/2024 của Công ty TNHH Đ2; Chấm dứt hành vi ngăn cản quyền sử dụng đất đối với phần đất nông nghiệp với diện tích khoảng 4.496,7m²; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02940 cấp ngày 17/11/1994 có diện tích 29.806m² mang tên Lê Minh T1 và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 195.000.000 (*một trăm chín mươi lăm triệu*) đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Võ Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/8/2017 là 800.000 (*tám trăm nghìn*) đồng; chi phí ký hợp đồng đo đạc ngày là 1.679.000 (*một triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn*) đồng. (Bà H đã nộp đủ).

Bà Võ Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2024 là 2.500.000 (*hai triệu năm trăm nghìn*) đồng; chi phí ký hợp đồng đo đạc là 2.996.000 (*hai triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn*) đồng; chi phí thẩm định giá là 5.300.000 (*năm triệu ba trăm nghìn*) đồng. (Bà H đã nộp đủ).

4. Về án phí dân sự:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.300.000 (*hai triệu ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0005734 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, bà H được hoàn trả lại 2.000.000 (*hai triệu*) đồng.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị H không phải chịu, hoàn trả cho bà Võ Thị H số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 00000421 ngày 09/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Thọ

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Nguyễn Đắc Minh